

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM¹

TS. Trịnh Thị Lan
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Ngoài bộ phận nhỏ theo các tôn giáo du nhập từ nước ngoài, phần lớn các tộc người thiểu số ở nước ta hiện vẫn duy trì các hình thức tín ngưỡng truyền thống, bao gồm thực hành các nghi lễ gia đình và dòng họ, thờ cúng các vị thần linh của cộng đồng làng bản, kể cả các thần nông nghiệp,... Nội dung bài viết này chủ yếu tổng quan một số nghiên cứu về tín ngưỡng truyền thống của các tộc người ở miền núi phía Bắc đã được xuất bản, chỉ ra những lĩnh vực cần nghiên cứu chuyên sâu trong thời gian tới.

Từ khóa: Tín ngưỡng, tín ngưỡng truyền thống, các tộc người, miền núi phía Bắc.

Abstract: The ethnic minority groups in Vietnam are remaining their traditional belief practices, including family and kinship rituals, community spirits worshipping. Although, there are a small number of ethnic people who follow newly religions adopted from foreign countries. This article discusses the traditional beliefs of ethnic minority groups in Northern Vietnam through a literature review. It shows the research gaps that need to be fulfilled in the future.

Keywords: Belief, traditional belief, ethnic groups, Northern mountainous region.

Ngày nhận bài: 9/10/2020; ngày gửi phản biện: 10/10/2020; ngày duyệt đăng: 29/11/2020

Mở đầu

Theo công bố của Bộ Ngoại giao Việt Nam, vùng miền núi phía Bắc có khoảng 1.406km đường biên giới đất liền tiếp giáp với Trung Quốc về phía Bắc², gồm các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Một số dân tộc sống ở vùng biên giới có mối quan hệ lịch sử lâu đời liên/xuyên biên giới dựa trên các mối quan hệ đồng tộc, đồng tôn, đồng văn hóa. Các dân tộc sinh sống ở vùng miền núi phía Bắc là chủ nhân của vùng đất rộng lớn, trấn ải toàn bộ vùng biên cương phía Bắc, đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng đất nước. Với vị

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Cơ sở năm 2020: “Tổng quan nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam” do Viện Dân tộc học chủ trì, ThS. Vương Ngọc Thi làm chủ nhiệm.

²Xem: <http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns090105140306>

thể này, đã có nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học, nhà quản lý về các vấn đề tộc người và văn hóa TNTS ở miền núi phía Bắc. Trong đó, vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo được đề cập rải rác trong các công trình nghiên cứu về tộc người.

1. Thờ cúng tổ tiên

Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng điển hình của phần lớn các TNTS ở miền Bắc nước ta. Theo quan niệm của nhiều tộc người, tổ tiên bao gồm tất cả những người thân đã mất thuộc các thế hệ, mà chủ yếu thuộc bố mẹ, ông bà trở về trước. Đồng bào cho rằng, khi con người ta chết đi không có nghĩa là hết, mà đến sống tại một thế giới khác không thuộc về con người, bởi vậy họ luôn tin vào sự chi phối của những người đã chết đối với những người đang sống. Các tộc người đều tin rằng linh hồn tổ tiên có quyền năng và ảnh hưởng tới sự thịnh vượng, may mắn của con cháu đang sinh sống. Tuy nhiên, mỗi tộc người có quan niệm và cách thức thờ cúng tổ tiên khác nhau, thể hiện rõ qua các công trình nghiên cứu về chủ đề này.

Ngoài một số công trình mang tính khái quát về tôn giáo, tín ngưỡng của các TNTS ở Việt Nam như: Viện Dân tộc học (1978), Nguyễn Văn Minh (2013), Vương Xuân Tinh và các tác giả (2020)..., trong đó có phần viết về tục thờ cúng tổ tiên của các tộc người cũng được các tác giả quan tâm tìm hiểu, từ quan niệm về thế giới quan, các hình thức thờ cúng, cách thực hành các nghi lễ, lễ vật... trong thờ cúng tổ tiên và những biến đổi so với trước kia. Hơn nữa, thờ cúng tổ tiên còn được hầu hết các tác giả trình bày trong các công trình viết về văn hóa tộc người.

Khi nghiên cứu về người Dao, Phạm Quang Hoan và tập thể tác giả (1999) đã nêu rõ các đặc điểm tín ngưỡng với những hình thức thờ cúng, đặc biệt nhấn mạnh về lễ cấp sắc là một trong những đặc trưng của người Dao với sự so sánh giữa hai nhóm Dao Đỏ và Dao Tuyển. Người Dao thường thờ cúng tổ tiên đến đời thứ chín, điều này được thể hiện trong các nghi lễ lớn như: cấp sắc, tảo mộ hoặc các dịp lễ lớn của gia đình và dòng họ. Song, trong thờ cúng hàng ngày, đồng bào cầu khẩn đến đời ông tổ ba đời, đôi khi chỉ cầu khẩn đến đời ông bà, cha mẹ. Ngoài ra, họ còn có khái niệm về tổ tiên gốc có liên quan đến Bàn Vương - nhân vật trong truyền thuyết về sự ra đời của tộc người Dao. Trước đó, cách nay khoảng trên 40 năm, Bế Viết Đăng và tập thể tác giả (1971) cũng đã chỉ ra rằng, ngoài thờ cúng tổ tiên gần là ông bà và tổ tông, người Dao coi thờ cúng Bàn Vương là một việc làm có liên quan đến số mệnh của mỗi người, mỗi dòng họ và của cả dân tộc. Bàn Vương được đồng bào Dao coi là thủy tổ của các dòng họ nên cũng cho là ma nhà và được cúng bái chung với tổ tiên của từng họ, từng gia đình. Đến nay người Dao vẫn duy trì tục kiêng ăn thịt chó và dành cho nó sự tôn kính vì liên quan tới Bàn Vương (Bế Viết Đăng và tập thể tác giả, 1971, tr. 272).

Vương Duy Quang (2005) đã nêu rõ về quan niệm của người Hmông cho rằng, tổ tiên bao gồm tất cả những người chết thuộc các thế hệ cha ông trở về trước và được đồng bào thờ cúng đến ba đời. Chỗ đặt bàn thờ trong nhà là nơi thiêng nên chỉ có đàn ông mới được tới gần và thông thường chỉ chủ nhà (*tsur trêr*) mới là người thực hiện nghi lễ cúng tổ tiên.

Họ tin rằng, tổ tiên luôn có sự chi phối đến sức khỏe, công việc... của những người còn sống trong gia đình. Theo tác giả, người Hmông cúng tổ tiên vào nhiều dịp khác nhau nhưng quan trọng nhất là trong lễ mừng năm mới, cưới xin, tang ma, lễ cơm mới, đặt tên, gọi vía,... Ngoài ra, những biến đổi trong sinh hoạt tín ngưỡng thời hiện tại cũng được tác giả Vương Duy Quang đề cập đến. Công trình này được viết bởi chính người Hmông nên tư liệu thu được khá phong phú, có độ tin tưởng cao.

Trong các công trình về người Hà Nhì, tác giả Trịnh Thị Lan (2016, 2017) đã nêu chi tiết về quan niệm, cách thức và các nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Không chỉ dừng lại ở những mô tả dân tộc học, mà còn phân tích để đưa ra nhận xét và so sánh sự khác biệt trong thế giới quan, cách thực hành nghi lễ thờ cúng tổ tiên giữa các nhóm Hà Nhì với nhau. Cụ thể, người Hà Nhì Đen ở Lào Cai thường không có quan niệm cụ thể về việc thờ cúng tổ tiên là bao nhiêu đời mà chỉ có một ý niệm thờ cơ bản là bố mẹ, ông bà và những thế hệ bậc trên trong gia đình đã chết; trong khi đó nhóm Hà Nhì Hoa ở Mường Tè chỉ thờ hai đời, bố mẹ và ông bà hoặc chỉ bố mẹ. Sự khác biệt giữa hai nhóm còn thể hiện ở chỗ, người Hà Nhì Đen chỉ thờ tổ tiên bên nhà chồng tức bên nội, họ thờ tổ tiên nhà vợ khi gia đình đó không có con trai và người chồng phải ở rể đời. Còn nhóm Hà Nhì Hoa thì vừa thờ tổ tiên nhà mình, vừa thờ cúng cả bố mẹ vợ. Tác giả cũng nêu được mối quan hệ giữa người Hà Nhì ở Lào Cai và đồng tộc bên kia biên giới, đồng thời còn chỉ ra những thay đổi trong cách thực hành các nghi lễ hiện nay, đó là sự pha trộn giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình chuẩn bị, lễ vật, một số kiêng kỵ,... Sự biến đổi này là kết quả của sự giao thoa, tiếp biến văn hóa theo quy luật tự nhiên.

Theo Khổng Diễn và tập thể tác giả (2000), người La Hủ ở Lai Châu và Điện Biên quan niệm tổ tiên rất đơn giản, họ hiểu tổ tiên là ma nhà, chỉ gồm ma bố mẹ đã chết chứ không tính đến các bậc ông, bà, cụ kỵ trước nữa. Họ kiêng cúng tổ tiên vào ngày bố mẹ chết. Bên cạnh đó, các tác giả còn chỉ ra sự khác nhau giữa những nhóm La Hủ trong việc thờ cúng tổ tiên. Cụ thể, nhóm La Hủ Pung (La Hủ Trắng) cúng tổ tiên mỗi tháng 1 lần và vào 3 dịp tết trong năm, không cúng vào ngày bố mẹ chết và không cúng rượu, thịt. Lễ vật chỉ có duy nhất là cơm gói trong lá rừng. Còn hai nhóm La Hủ Sur (La Hủ Vàng) và La Hủ Na (La Hủ Đen) thì cúng tổ tiên 4 lần/năm. Lần thứ nhất gọi là *duệ ma khur*, lần thứ hai được cúng vào dịp tháng 6 âm lịch, lần thứ ba tiến hành vào lúc ăn cơm mới và lần thứ tư cúng vào tết tháng 12.

Khi tìm hiểu về một số hình thức tín ngưỡng dân gian của người Tày và Nùng ở vùng biên giới Việt - Trung, Nguyễn Thị Yên (2004) đã tiến hành so sánh với người Choang ở Trung Quốc. Qua đó, tác giả nêu rõ việc thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng cơ bản của các tộc người này và được phân chia theo nhiều cấp độ khác nhau; đặc biệt thờ tổ tiên gia tộc là nội dung cơ bản trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của ba tộc người Tày, Nùng, Choang. Mỗi tộc người, mỗi địa phương có quan niệm về tổ tiên khác nhau nhưng nghi lễ diễn ra ở ba tộc người này là giống nhau, bao gồm: nghi lễ thường kỳ (các ngày lễ mang tính chất truyền

thống theo lịch tết quy định hàng năm như: tết Nguyên đán, lễ tảo mộ và *slíp slí bươn chắt* tức tết tháng 7 âm lịch, và nghi lễ bất thường (khi gặp hạn nạn, ốm đau, cưới xin, tang ma...) đều sắm lễ vật thắp hương trình báo tổ tiên.

Lê Minh Anh (2019) đã đề cập đến tục thờ cúng tổ tiên trong mối quan hệ dòng họ của người Nùng Phàn Slinh ở Lạng Sơn. Theo đó, người Nùng quan niệm tổ tiên ba đời, gồm cha mẹ, ông bà, cụ và tính cả hai bên nội ngoại. Cũng giống người Phù Lá, Khơ-mú và La Hủ, người Nùng Phàn Slinh ở đây không có tập quán lấy ngày mất để cúng giỗ như một số tộc người khác. Họ thường thờ cúng tổ tiên vào các dịp mừng 1 và ngày 15 hàng tháng, tảo mộ, ngày giết sâu bọ... như người Kinh, người Tày. Tác giả cũng nêu ra hệ thống thờ tự trong gia đình của người Nùng và chỉ rõ sự khác biệt giữa các dòng họ nếu dựa vào số chén được bày thờ khi cúng. Cụ thể, họ Hoàng thờ 7 chén, họ Vi thờ 5 chén,... Đây chính là dấu hiệu nhận biết của các dòng họ người Nùng Phàn Slinh.

Cùng quan niệm thờ cúng tổ tiên đến ba đời trở lại (cha mẹ, ông bà, cụ), nhưng ở người Bố Y thì chỉ những người chết, sau khi được con cháu làm ma khô, tiến hành lễ rửa tội và đưa lên bàn thờ trong gia đình mới được gọi là tổ tiên. Người Bố Y chỉ làm giỗ cha mẹ một lần sau khi chết được một năm, đây cũng là lần duy nhất tất cả các anh em đến nhà anh trai cả làm giỗ cha mẹ. Song, tổ tiên vẫn được con cháu thờ cúng trong suốt chu kỳ đời người, chu kỳ của mùa màng. Người phụ nữ có thể chuẩn bị đồ lễ nhưng việc hành lễ đều do đàn ông trong gia đình thực hiện. Khi các anh em trong nhà lập gia đình riêng, họ sẽ thờ cúng tổ tiên tại nhà riêng của mình. Nếu gia đình không có con trai thì ngày giỗ được cúng ở nhà con gái, sau đó hồn người chết sẽ rước về nhà tại bàn thờ của con trai anh trưởng hoặc con trai trưởng của em trai (Trần Hữu Sơn chủ biên, 2015). Trong khi, cả 2 nhóm Phù Lá (Phù Lá Lão và Phù Lá Hán) đều không có tục làm giỗ cha mẹ, ông bà vào ngày mất mà chỉ cúng tổ tiên vào tết Nguyên đán, ngày tết tháng 7, các ngày lễ cộng đồng, cúng cơm mới, cưới xin, làm nhà,... (Đỗ Đức Lợi chủ biên, 2005).

Tương tự, người Cơ Lao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang cũng thờ cúng tổ tiên trong ba đời. Người Cơ Lao treo bàn thờ ở gian chính và họ thường cúng tổ tiên vào các ngày 30 tết, thắp hương liên tục trong 3 ngày tết, kể cả các ngày 13 tháng Giêng, tết Thanh minh 3/3, 13/7 âm lịch. Với người Cơ Lao Đỏ, nếu ông hoặc bà, cha hay mẹ chết mà người kia còn sống thì phải đợi khi người còn lại chết mới làm lễ đưa lên bàn thờ tổ tiên. Người chết là đàn bà thì được thờ ở cột chính bên phải, nếu đàn ông sẽ được thờ ở cột chính bên trái (Trần Thị Mai Lan, Đoàn Việt đồng chủ biên, 2020). Nghiên cứu của Trần Hồng Hạnh (2016) đã chỉ ra sự khác biệt giữa các nhóm Cơ Lao. Do cộng cư cùng với các tộc người khác nên nhóm Cơ Lao trắng ở Đồng Văn, Hà Giang lại cúng tổ tiên vào ngày 15 giống người Hmông chứ không phải ngày 13 như nhóm Cơ Lao Đỏ ở Hoàng Su Phì, và một số khác lại cúng Thanh minh vào ngày 3/3 âm lịch như người Tày, Nùng láng giềng.

Nói về biến đổi trong đời sống tâm linh tôn giáo lâu đời của người Hmông theo tín ngưỡng truyền thống, Nguyễn Ngọc Mai (2014) cho rằng đến nay vẫn tồn tại hình thức thờ

cúng linh hồn tổ tiên - thờ *Xử Ca* (thờ thần nhà), song các vật dụng thờ cúng truyền thống như thìa gỗ, chậu gỗ... đã không còn. Vai trò của người trưởng họ cũng thay đổi ít nhiều. Do di trú nơi ở cho thuận tiện công việc làm ăn và buôn bán, nếp sống quần tụ theo dòng họ của người Hmông đã thay đổi, vì vậy vị thế của người thực hành lễ cúng tổ tiên ngày nay không nhất thiết là trưởng họ mà tất cả đàn ông trong gia đình đều có thể cúng ma nhà,... Các lễ thức đã giản lược đi chỉ giữ những bước cơ bản nhất. Tương tự, Nguyễn Thị Song Hà (2018, tr. 90) khi đề cập tới sự biến đổi tín ngưỡng truyền thống của một số dân tộc vùng biên giới tỉnh Hà Giang đã cho rằng, các dân tộc Tày, Hmông, Dao, Lô Lô vẫn giữ các nghi lễ trong gia đình nhưng lễ vật và nghi thức đã thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện tại. Cụ thể, một số gia đình Hmông nơi đây đã làm bàn thờ tổ tiên như người Kinh thay cho chiếc ống hương gài trên tường dưới bàn thờ *Xử ca*. Điều này cũng được Lý Hành Sơn khẳng định, nghi lễ cúng tổ tiên trong các gia đình người Dao nhiều nơi vẫn được bảo tồn, hầu như chưa thay đổi. Song, hiện nay do điều kiện kinh tế của các gia đình khá giả hơn, nên các lễ vật được dâng cúng cũng rất phong phú, đa dạng (Lý Hành Sơn, 2018a).

Khi nghiên cứu về người Mảng, tác giả Nguyễn Văn Thắng (2016) đã nêu rõ, quan niệm về thế giới tổ tiên, thế giới thần linh biến đổi khá chậm chạp trong nhận thức của tộc người này. Họ quan niệm thế giới thần linh có 4 tầng và luôn kính trọng, tôn thờ nhưng không sùng bái và phụ thuộc như trước kia nữa. Với người Mảng, nghi lễ thờ cúng tổ tiên nổi bật với lễ cúng ma nhà và cúng bên nhà ngoại vẫn được duy trì. Song, người Mảng cũng đã có những thay đổi theo chiều hướng giản lược một số yếu tố, thay đổi lễ vật, quy mô, không gian nghi lễ và cách thức tổ chức cho phù hợp với điều kiện hiện nay. Cụ thể, hiện nay người chồng và gia đình nhà chồng có thể tham gia vào quá trình chuẩn bị và thực hành nghi lễ, quy mô nghi lễ cúng được tiết giảm tới mức tối đa. Do ảnh hưởng của người Kinh, nhiều gia đình người Mảng đã làm bàn thờ để cúng giao thừa và Rằm tháng Giêng. Đây là sự giao thoa, tiếp biến văn hóa theo quy luật tự nhiên. Sự tiếp nhận ấy làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người Mảng.

Sự biến đổi trong thờ cúng tổ tiên cũng diễn ra ở người Nùng Phàn Slinh tỉnh Lạng Sơn, ngoài những lễ vật bắt buộc thường thấy trên bàn thờ còn có thêm các lễ vật khác như hộp bánh, mứt, đèn trang trí,... Hiện nay, trong lứa tuổi trung niên và thanh niên nhiều người không còn nhớ các bài cúng. Khi thắp hương cúng tổ tiên chỉ nhớ một số câu chung chung, không đầy đủ. Tuy hệ thống văn bản chữ nôm Nùng vẫn còn được lưu giữ trong các gia đình, nhưng họ không còn đọc được nữa (Lê Minh Anh, 2019, tr.123).

Như vậy, mỗi tộc người với các nhóm địa phương khác nhau lại có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ cúng bái khác nhau, bởi mỗi nhóm của một tộc người đều có lịch sử hình thành, phát triển, tập quán riêng nên trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cũng sẽ có những nét khác biệt. Qua tìm hiểu cho thấy, các tộc người tuy chịu sự ảnh hưởng lẫn nhau khi cùng cộng cư, nhưng quan niệm về thờ cúng tổ tiên của mỗi tộc người vẫn ít biến đổi.

Trong khi phân nghi lễ cúng đã có biến đổi nhưng theo các chiều hướng khác nhau như: mai một, đơn giản, tiếp thu cái mới, pha trộn giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại... ở mỗi tộc người, mỗi nơi có sự đậm nhạt khác nhau. Tuy nhiên, các nghiên cứu vừa đề cập ở trên vẫn chưa chỉ ra được các mối quan hệ đồng tộc giữa các tộc người ở Việt Nam và các đồng tộc bên kia biên giới trong lĩnh vực này.

Có thể nói, thờ cúng tổ tiên đến nay vẫn tồn tại phổ biến và chi phối mạnh đến mọi mặt đời sống thường nhật của đồng bào các tộc người, chứa đựng những nét văn hóa độc đáo trong đời sống tâm linh và thể hiện quan niệm nhân sinh. Do đó, tín ngưỡng này cần được tiếp tục nghiên cứu, bảo tồn, phát huy và khai thác những yếu tố có giá trị tích cực để xây dựng đời sống mới.

2. Thờ cúng thần linh

Các TNTS ở nước ta có hệ thống thần linh rất đa dạng, bên cạnh các thần linh được cộng đồng làng thờ cúng, còn có những vị thần thờ cúng trong mỗi gia đình. Nhìn chung, trong đa thần giáo, mỗi vị thần tiêu biểu cho một sức mạnh, một hiện tượng nhất định của thiên nhiên, xã hội hay tâm lý con người, đồng thời tiêu biểu cho một trật tự cao hơn trong các bộ lạc nguyên thủy. Các vị thần đó được nhân cách hóa, có tên gọi, tiểu sử, tính cách như những người có quyền thống trị trên trần gian và tùy theo từng vai trò, vị trí của mình mỗi vị thần sẽ được gán thêm những sức mạnh, uy lực thần bí. Hình ảnh đời sống của các vị thần cũng giống như đời sống của con người. Điều khác biệt chính là sự bất tử và sức mạnh siêu nhiên của các vị thần (Nguyễn Văn Minh, 2013, tr. 139).

Bài viết của Trịnh Thị Lan (2018) cho thấy, trong tín ngưỡng truyền thống của các TNTS vẫn in đậm dấu ấn của tô tem giáo, vật linh giáo, đa thần giáo, shaman giáo..., thể hiện qua hàng loạt các sinh hoạt tín ngưỡng liên quan đến hoạt động kinh tế và các mối quan hệ xã hội khác nhau. Tất cả các tộc người ở Việt nam đều có chung niềm tin và thực hành tín ngưỡng đa thần. Đặc biệt, trong hệ thống thần linh của các TNTS, tín ngưỡng đa thần rất phong phú và đa dạng, từ nhiên thần (sông, núi, sấm chớp...), động vật, cây cối, đất đá..., thiên thần (trời, đất, Ngọc Hoàng, Diêm Vương...), nhân thần như các anh hùng, người có công..., đến các loại ma (ma tổ tiên, ma nhà, ma ruộng, ma bếp, ma bản, ma rừng, ma núi, ma lúa gạo...). Mỗi vị thần đều có một vị trí nhất định trong đời sống tâm linh của mỗi tộc người.

Trong các TNTS ở nước ta thì người Dao có hệ thống thờ thần linh khá hoàn chỉnh. Theo Bế Viết Đăng và cộng sự (1971, tr. 228-291), Ngọc Hoàng là vị thần cai quản các vị thần linh, ma quỷ, các sinh vật trên trần gian; bên cạnh Ngọc Hoàng còn có Phật, dưới Phật có các thánh; dưới nữa là Tam Thanh, Tam Bảo, Tam nguyên, tiếp đến là các vị thánh lớn như Bàn Vương, tổ tiên và các loại ma như ma nhà, ma bếp..., sau cùng là thổ công, ma rừng, ma suối,... Nghiên cứu của Phạm Quang Hoan và tập thể tác giả (1999) đã nêu rõ, tín ngưỡng của người Dao ở nước ta có nhiều yếu tố Đạo giáo, thể hiện qua việc thờ các bức tranh, nhất là trong lễ cấp sắc đều mô phỏng các vị thần của Đạo giáo; các thần thánh của

người Dao như Ngọc Hoàng, Diêm vương..., đều là thần linh của Đạo. Ngoài ra, người Dao cũng chịu ảnh hưởng của Đạo Phật (người Dao Áo Dài, Dao Quần Trắng đến nay vẫn thờ Phật). Có thể nói, hai công trình này giúp người đọc hình dung được hệ thống các vị thần mà người Dao luôn tin và thờ cúng để có cái nhìn tổng quát về đời sống tinh thần của tộc người Dao.

Vương Duy Quang (2005) cho biết, người Hmông theo tín ngưỡng truyền thống thờ cúng rất nhiều vị thần hay gọi là ma khác nhau. Tương tự, Nguyễn Văn Thắng (2009) trong một nghiên cứu về người Hmông giữ “Lý cũ” hay theo “Lý mới” đã đưa ra bảng phân loại và vai trò của các loại ma khác nhau ở người Hmông. Trong nhà thường có ma nhà, ma cửa, ma bếp, ma buồng, ma cột cái, ma vườn,... Nếu gia đình nào có người làm thầy cúng hoặc thầy thuốc thì phải thờ cúng thêm ma thầy thuốc và ma thầy cúng. Ngoài ra, còn có ma rừng, ma bản (ma thổ địa), ma cây, ma núi, ma đá,... Tùy thuộc vào cách ứng xử của con người mà các loại ma này sẽ phù hộ hay gây họa. Chính vì tín ngưỡng đa thần mà người Hmông thường thờ cúng các ma trong nhà theo định kỳ vào những ngày nhất định trong năm như các dịp lễ tết hay khi gia đình có sự kiện quan trọng. Các loại ma bên ngoài chỉ cúng vào những dịp bất thường với các nghi lễ shaman liên quan đến gọi hồn, tai nạn, bệnh tật, giải hạn,... Đây là các loại ma tự nhiên, ma khác tộc hoặc ma bố mẹ về đời cúng bò... làm ảnh hưởng đến sức khỏe (Nguyễn Văn Thắng, 2009, tr. 62-63). Qua đây có thể thấy, người Hmông luôn tin vào sức mạnh chi phối của các loại ma đối với đời sống hàng ngày của họ.

Một điển hình cho tín ngưỡng đa thần là người Hà Nhì, ngoài thờ cúng tổ tiên, họ còn có một hệ thống các vị thần được thờ phụng như: thần rừng, thần thổ ty, thần lúa, thần nước, hồn các con vật,... Trong nghiên cứu của mình, các tác giả Chu Thùy Liên (2004, 2006), Hoàng Sơn (2008), Trịnh Thị Lan (2017)... đã nêu rất cụ thể từng nghi lễ liên quan đến mỗi vị thần của người Hà Nhì. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, trong một năm tộc người này thường thực hiện rất nhiều nghi lễ liên quan đến các vị thần khác nhau, nhưng quan trọng nhất vẫn là các nghi lễ liên quan tới cúng thần rừng, thần nước - thần rừng ở khu rừng thiêng và nguồn nước ngay đầu bản làng. Theo như trình bày, ở mỗi nhóm Hà Nhì tuy có những cách gọi tên, cách thức thực hành nghi lễ cúng thần vào những thời điểm khác nhau, nhưng đều cùng một mong muốn cho dân bản được khỏe mạnh, mùa màng bội thu, chăn nuôi phát triển,... Đây là một hệ thống những nghi thức được thực hiện kế tiếp theo một chu kỳ khép kín trong năm nhằm cầu mong bình yên cho con người, vật nuôi phát triển, mùa màng tốt tươi, cộng đồng vững mạnh.

Cũng như nhiều TNTS khác, các tộc người Tày, Nùng đều sùng bái những hiện tượng tự nhiên, tôn thờ chúng thành các vị thần cai quản và điều phối môi trường tự nhiên. Ngoài việc thờ cúng các nhiên thần, họ còn thờ nhân thần, điển hình là hình tượng nhân vật Nùng Chí Cao cũng được các tộc người Tày, Nùng vùng Cao Bằng, Lạng Sơn thờ cúng (Nguyễn Thị Yên, 2004). Lê Minh Anh (2019) cho biết đối tượng thờ cúng của người Nùng Phàn

Slinh ở Lạng Sơn rất đa dạng, ngoài thờ cúng tổ tiên thì còn thờ Bồ tát, thờ thổ công, ông táo, thần nuôi súc vật và thờ Mụ. Tuy nhiên, tác giả chỉ dừng lại ở mức liệt kê để người đọc hình dung được hệ thống thờ tự trong gia đình của người Nùng Phàn Slinh chứ không đi sâu tìm hiểu về các hình thức thờ cúng của nhóm người Nùng này. Trong thế giới tâm linh, đặc biệt là quan niệm về các vị thần, ma của người Bồ Y có sự đan xen giữa tín ngưỡng dân gian với Đạo giáo (Trần Hữu Sơn chủ biên, 2015). Vị trí quan trọng của Đạo giáo được thể hiện qua hệ thống các vị thần tiên trong cách bài vị: chính giữa tường kê bàn thờ nổi bật hàng chữ Thiên - Địa - Quốc, bên trái là bài vị tổ tiên, bên phải là dòng họ. Theo Trần Hữu Sơn, qua sự bài trí này cho thấy quá trình hình thành và phân cấp rất rõ ràng: có trời, đất, tổ quốc rồi mới có con người, dòng họ, tổ tiên. Bên cạnh thờ cúng tổ tiên, người Bồ Y còn thờ các vị thần: thần thổ địa, thần bếp, thần cửa,...

Các tộc người Cơ Lao, Mảng, Phù Lá đều thờ cúng nhiều vị thần thiên nhiên như: thần sấm, thần sét, thần mưa, thần gió... và các loại ma nhà, ma buồng, ma bếp, thần rừng, thần núi, thần suối, thần chăn nuôi,... Theo họ, trong lòng đất còn có ma tổ tiên, thần thổ công,... Tất cả các loại sinh vật, loài người, thần, ma... đều có liên quan mật thiết với nhau. Bên cạnh các nhiên thần, người Cơ Lao còn lập miếu thờ Hoàng Vân Thùng và tiến hành cúng vào một trong các ngày từ 1 đến 15/7 âm lịch, bởi vì ông là người có công khai thiên lập địa và giúp người Cơ Lao làm ăn. Hoàng Vân Thùng được coi như vị Thành Hoàng của dân tộc Cơ Lao (Trần Thị Mai Lan và Đoàn Việt đồng chủ biên, 2020, tr. 191).

Qua các nghiên cứu nêu trên có thể nhận thấy, các TNTS ở miền núi phía Bắc nước ta có hệ thống thần linh rất đa dạng và phong phú, từ nhân thần đến nhiên thần. Đồng bào đã thiêng hóa những vị thần có sức mạnh vô hình có thể mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người. Việc sùng bái và thờ cúng các vị thần trong môi trường tự nhiên là phản ánh ý thức của mỗi tộc người về vai trò quan trọng của môi trường tự nhiên đối với con người.

Kết luận

Từ việc tổng quan một số công trình đã được công bố cho thấy, những nghiên cứu tìm hiểu về tục thờ cúng tổ tiên và thần linh của các TNTS ở vùng miền núi phía Bắc thường được các tác giả trình bày trong hệ thống các nghi lễ về tín ngưỡng truyền thống khi đề cập đến văn hóa tộc người. Có rất ít các nghiên cứu chuyên sâu về tín ngưỡng truyền thống của các tộc người ở nơi đây, nhất là giai đoạn hiện nay. Các công trình đó còn cho thấy, hầu hết các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng đa thần của các tộc người vẫn được duy trì đến nay. Song, đã có sự biến đổi về cách thực hành theo xu hướng đơn giản, tiếp thu cái mới, pha trộn giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại. Đây là kết quả giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người, là quá trình tương tác, chọn lọc giá trị văn hóa do cộng cư, xen cư diễn ra phổ biến giữa các tộc người trong một thời gian dài.

Hầu hết các công trình nghiên cứu về văn hóa tộc người thực hiện trước những năm 2000 đều tập trung tìm hiểu về các tín ngưỡng truyền thống dưới dạng mô tả dân tộc học, chưa có sự phân tích, so sánh tín ngưỡng giữa các nhóm tộc người hay các tộc người khác sinh sống cùng địa phương. Những năm gần đây, đã có một số nghiên cứu chỉ ra sự biến đổi hiện nay của tín ngưỡng truyền thống ở một số tộc người. Song, vẫn còn thiếu những nghiên cứu có tính hệ thống, chuyên sâu về mối liên hệ tín ngưỡng xuyên quốc gia, chủ yếu với Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn (Chủ biên, 2000), *Dân tộc La Hủ ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Song Hà (2018), “Biến đổi văn hóa các tộc người thiểu số tỉnh Hà Giang trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, Số 91, tr. 87-92.
4. Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (Chủ biên, 1999), *Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Huy (1985), *Văn hóa và nếp sống các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hà Nhì - Lô Lô*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
6. Trịnh Thị Lan (2016), “Nghĩ lễ thờ cúng tổ tiên của người Hà Nhì”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 22-28.
7. Trịnh Thị Lan (2017), *Nghĩ lễ của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay*, Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội.
8. Trịnh Thị Lan (2018), “Một số sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở phía Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 92-100.
9. Trần Thị Mai Lan, Đoàn Việt (Đồng chủ biên, 2020), *Sinh hoạt văn hóa của hai dân tộc Lô Lô và Cơ Lao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Chu Thùy Liên (2004), *Tìm hiểu văn hóa dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Chu Thùy Liên (2009), *Văn hóa dân gian dân tộc Hà Nhì*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Đỗ Đức Lợi (Chủ biên, 2005), *Văn hóa dân tộc Phù Lá ở Việt Nam*, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Thái Nguyên.

13. Nguyễn Ngọc Mai (2014), “Biến đổi tôn giáo truyền thống ở cộng đồng các tộc người miền núi phía Bắc và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, Số 5.
14. Nguyễn Thị Minh Lý (2018), “Hôn nhân liên biên giới của người Hmông ở tỉnh Lào Cai hiện nay và những vấn đề đặt ra”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia năm 2017), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Minh (2013), *Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
17. Hoàng Sơn (2008), *Người Hà Nhì ở Huổi Luông (huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu)*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Lý Hành Sơn (2018a), “Dân tộc Dao”, trong Vương Xuân Tình Chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 4, Quyển 1, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 167-306.
19. Lý Hành Sơn (2018b), “Một số vấn đề cơ bản về tộc người ở vùng biên giới phía Bắc nước ta hiện nay”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia năm 2017), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Trần Hữu Sơn (Chủ biên, 2015), *Văn hóa dân gian người Bô Y ở Lào Cai*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
21. Nguyễn Văn Thắng (Chủ biên, 2009), *Giữ “Lý cũ” hay theo “Lý mới”? Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Thắng (2016), *Nghi lễ gia đình của người Mảng ở Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Yên (2010), “Một số hình thức tín ngưỡng dân gian của người Tày, Nùng Việt Nam và người Choang Trung Quốc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 12-23.
24. Trần Thị Hồng Yến (2018), “Những khó khăn của chính quyền địa phương huyện Mường Nhé và Nậm Pồ tỉnh Điện Biên trong việc giải quyết vấn đề di cư của người Hmông theo đạo Tin Lành từ năm 1990 đến nay”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia năm 2017), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.